

Chương 1:

Câu 1: Thuật ngữ “Kinh tế - chính trị” được sử dụng lần tiên vào năm nào?

1615

Câu 2: Chọn phương án đúng về quy luật kinh tế và chính sách kinh tế:

- Chính sách kinh tế là hoạt động khách quan trên cơ sở nhận thức và vận dụng các quy luật. (sai)
- **Quy luật kinh tế là cơ sở của chính sách kinh tế. (đúng)**
- Quy luật kinh tế phụ thuộc vào chính sách kinh tế. (sai)
- Chính sách kinh tế là cơ sở của quy luật kinh tế. (sai)

Câu 3: Để nghiên cứu kinh tế - chính trị Mác - Lênin có thể sử dụng nhiều phương pháp, phương pháp nào quan trọng nhất?

Trừu tượng hóa khoa học

Câu 4: Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, C.Mác bắt đầu từ:

Sản xuất hàng hóa giản đơn và hàng hóa

Câu 5: Trừu tượng hóa khoa học là:

Gạt bỏ các hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giữ lại những mối liên hệ phổ biến mang tính bản chất.

Câu 6: Chức năng phương pháp luận của kinh tế - chính trị Mác - Lênin thể hiện ở:

- Là nền tảng lý luận cho các khoa học kinh tế ngành.
- Là cơ sở lý luận cho các khoa học nằm giáp ranh giữa các tri thức các ngành khác nhau.

Câu 7: Chức năng tư tưởng của kinh tế - chính trị Mác - Lênin thể hiện ở:

- Góp phần xây dựng thế giới quan cách mạng của giai cấp công nhân
- Tạo niềm tin vào thắng lợi trong cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức bóc lột
- Là vũ khí tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng CNXH.

Câu 8: Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm “kinh tế-chính trị”

Antoine Montchrestien

Câu 9: Ai là người được C. Mác coi là sáng lập ra kinh tế chính trị tư sản cổ điển?

W. Petty

Câu 10: Ai là người được coi là kinh tế thời kỳ công trường thủ công?

A.Smith

Câu 11: D. Ricardo là nhà kinh tế của thời kỳ nào?

Đại công nghiệp cơ khí

Câu 12: Kinh tế chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của:

KTCT cổ điển Anh

Câu 13: Học thuyết kinh tế nào của C.Mác được coi là hòn đá tảng?

Giá trị thặng dư

Câu 14: Đối tượng nghiên cứu kinh tế - chính trị Mác - Lênin là:

Quan hệ sản xuất trong mối quan hệ tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

Câu 15: Hãy chọn phương án **đúng về đặc điểm của quy luật kinh tế:**

- Mang tính khách quan. (sai)
- Phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người. (sai)
- **Mang tính khách quan và phát huy tác dụng thông qua hoạt động kinh tế. (đúng)**
- Mang tính chủ quan (sai)

Chương 2:

Phần 1:

Câu 1: Sản xuất hàng hóa là:

Kiểu tổ chức kinh tế mà ở đó sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi, mua bán.

Câu 2: Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa:

Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất.

Câu 3: Phân công lao động xã hội là:

Sự phân công của xã hội về lao động thành các ngành nghề khác nhau của nền sản xuất xã hội.

Câu 4: Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN C. Mác bắt đầu từ:

Hàng hóa.

Câu 5: Một trong những đặc trưng quyết định của sản xuất hàng hóa là:

Sản xuất để trao đổi, mua bán.

Câu 6: Hàng hóa là:

Sản phẩm của lao động để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán.

Câu 7: Hai thuộc tính của hàng hóa:

Giá trị sử dụng và giá trị.

Câu 8: Giá trị là phạm trù:

Lịch sử

Câu 9: Lượng giá trị sử dụng được tạo ra nhiều hay ít phụ thuộc vào các nhân tố:

- Trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất
- Kỹ năng của người lao động
- Phân công lao động xã hội

Câu 10: Giá trị trao đổi là:

Quan hệ tỷ lệ về lượng mà giá trị sử dụng này trao đổi với giá trị sử dụng khác.

Câu 11: Giá trị hàng hóa được tạo ra từ: Sản xuất.

Chương 2:

Phần 2:

Câu 1: Sản xuất và lưu thông hàng hóa chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế nào?

- Quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu
- Quy luật giá trị
- Quy luật lưu thông tiền tệ

Câu 2: Chọn các ý đúng về quan hệ giữa giá cả và giá trị:

- Giá trị là cơ sở của giá cả, là yếu tố quyết định giá cả.
- Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị.
- Giá cả thị trường còn chịu ảnh hưởng của cung - cầu, giá trị của tiền.

Câu 3: Biểu hiện cơ chế hoạt động của quy luật giá trị là:

- Giá cả thị trường xoay quanh giá cả sản xuất
- Giá cả thị trường xoay quanh giá trị xã hội hàng hóa.
- Giá cả thị trường xoay quanh giá cả độc quyền.

Câu 4: Quy luật nào là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa?

Quy luật giá trị.

Câu 5: Cơ sở tồn tại của quy luật giá trị:

Nền kinh tế hàng hóa.

Câu 6: Quy luật giá trị có tác dụng nào?

- Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Kích thích của tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất.
- Phân hóa người sản xuất.

Câu 7: Chọn ý đúng về quan hệ cung - cầu đối với giá trị, giá cả:

Có ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

Câu 8: Quan hệ cung - cầu thuộc khâu nào của quá trình tái sản xuất xã hội?

Phân phối và trao đổi.

Câu 9: Giá cả thị trường của hàng hóa được xác định bởi:

- Giá trị của hàng hóa.
- Cung và cầu về hàng hóa.
- Số lượng tiền tệ trong lưu thông.

Câu 10: Trong các phạm trù kinh tế dưới đây, phạm trù nào được coi là tín hiệu của cơ chế thị trường?

Giá cả thị trường.

Chương 3:

Câu 1: Tỷ suất giá trị thặng dư (m') phản ánh điều gì?

Trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuê.

Câu 2: Lợi tức cho vay là:

Một phần của lợi nhuận được tạo ra từ số tiền vay.

Câu 3: Khối lượng giá trị thặng dư (M) phản ánh điều gì:

Quy mô bóc lột của tư bản.

Câu 4: Thời gian lao động thặng dư là:

Phần thời gian vượt quá điểm thời gian lao động cần thiết.

Câu 5: Giá trị mới của hàng hóa là:

Toàn bộ tư bản khả biến và giá trị thặng dư.

Câu 6: Giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch giống nhau ở điểm nào?

Đều dựa trên tiền đề tăng NSLĐ.

Câu 7: Trong các nhận định sau, nhận định nào sai? Câu thành tư bản bao gồm:

- Tư bản bất biến và tư bản khả biến (đúng)
- Tư bản sử dụng và tư bản tiêu dùng (đúng)
- Tư bản cố định và tư bản lưu động (đúng)
- Tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất, tư bản hàng hóa. (sai)

Câu 8: Ý nghĩa quan trọng nhất của việc nghiên cứu hàng hóa sức lao động là:

Tìm ra chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn của công thức chung tư bản.

Câu 9: Mục đích trực tiếp của nền sản xuất TBCN là:

Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư cho các nhà tư bản.

Câu 10: Ngày lao động là:

Thời gian mà người công nhân làm việc cho nhà tư bản trong 1 ngày.

Câu 11: Sức lao động trở thành hàng hóa một cách phổ biến từ khi nào?

Từ khi có sản xuất hàng hóa.

Câu 12: Tư bản là:

Giá trị mang lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê.

Câu 13: Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở điểm nào?

Tăng quy mô tư bản cá biệt.

Câu 14: Biện pháp cơ bản để có giá trị thặng dư siêu ngạch:

Tăng năng suất lao động cá biệt cao hơn năng suất lao động xã hội.

Câu 15: Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối có điểm nào giống nhau?

Đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư.

Chương 4:

Câu 1: Sự ra đời của tư bản tài chính là kết quả của:

Quá trình xâm nhập, liên kết độc quyền ngân hàng với độc quyền công nghiệp.

Câu 2: Chọn ý đúng:

- Xuất khẩu tư bản không giúp phát triển kinh tế ở các nước nhập khẩu tư bản. (Sai)
- Chỉ những nước nghèo mới nhận nhập khẩu tư bản. (Sai)
- Các nước đang phát triển không muốn nhận nhập khẩu tư bản. (Sai)
- Xuất khẩu tư bản làm mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra nước ngoài. (Đúng)

Câu 3: Xuất khẩu tư bản là đặc điểm của:

Chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Câu 4: Tư bản tài chính là:

Sự hợp nhất giữa các tổ chức độc quyền ngân hàng với độc quyền công nghiệp.

Câu 5: Cơ chế kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự kết hợp giữa:

Thị trường, độc quyền tư nhân và điều tiết Nhà nước.

Câu 6: Bản chất của CNTB độc quyền nhà nước là:

Sự kết hợp tổ chức độc quyền tư nhân và nhà nước tư sản.

Câu 7: Chế độ tham dự của tư bản tài chính được thiết lập do:

Số cổ phiếu không chế nắm công ty mẹ, con, cháu,....

Câu 8: Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện trong thời lịch sử nào:

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Câu 9: Nguyên nhân hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân:

Do cạnh tranh giữa các ngành.

Câu 10: Xuất khẩu tư bản là hoạt động:

Đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Câu 11: Trong giai đoạn CNTB độc quyền, xuất khẩu tư bản là nhằm mục đích:

Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở các nước nhập khẩu tư bản.

Câu 12: Nhà nước tư sản đảm nhận đầu tư vào ngành nào:

Đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, lợi ích ít.

Câu 13: Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền là:

Do tích tụ và tập trung sản xuất phát triển cao.

Câu 14: Trong CNTB độc quyền, tình trạng cạnh tranh sẽ:

Trở nên gay gắt hơn.

Câu 15: Phương thức chủ yếu mà tư bản độc quyền sử dụng để lũng đoạn bộ máy nhà nước là:

Cử đại diện tham gia vào bộ máy nhà nước.

Chương 5:

Câu 1: Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền là:

Do tích tụ và tập trung sản xuất phát triển cao.

Câu 2: Sự khác nhau trong quản lý của nhà nước ở nền KTTT định hướng XHCN và KTTT TBCN là do:

Bản chất của nhà nước

Câu 3: Mục tiêu hàng đầu của phát triển kinh tế thị trường ở nước ta là gì?

Giải phóng lực lượng sản xuất, huy động mọi nguồn lực cho CNH, HĐH, cải thiện đời sống nhân dân. (2)

Câu 4: Chế độ tham dự của tư bản tài chính được thiết lập do:

Số cổ phiếu không chế nắm công ty mẹ, con, cháu,...

Câu 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:

Phản ánh trình độ phát triển và điều kiện lịch sử của Việt Nam

Câu 6: Sự ra đời của tư bản tài chính là kết quả của:

Quá trình xâm nhập, liên kết độc quyền ngân hàng với độc quyền công nghiệp.

Câu 7: Câu nào sau đây đúng:

- Mỗi quốc gia có một mô hình kinh tế thị trường riêng (sai)
- Mỗi giai đoạn phát triển có một mô hình thị trường riêng (sai)
- **Không có mô hình kinh tế thị trường chung cho mọi quốc gia (đúng)**
- Trên thế giới hiện nay, chỉ có hai mô hình kinh tế thị trường (sai)

Câu 8: Tư bản lưu động là:

Giá trị sức lao động và giá trị nguyên, nhiên, vật liệu.

Câu 9: Lợi tức cho vay là:

Một phần của lợi nhuận được tạo ra từ số tiền vay.

Câu 10: Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành:

Hình thành giá trị thị trường.

Câu 11: Sự khác nhau chủ yếu giữa KTTT TBCN và KTTT định hướng XHCN là:

Chế độ công hữu giữ vai trò khác nhau trong hai mô hình KTTT

Câu 12: Giá trị thặng dư là:

Một phần của giá trị mới do người công nhân tạo ra.

Câu 13: Sự khác biệt cơ bản giữa giữa KTTT định hướng XHCN và KTTT

TBCN là:

Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước

Câu 14: Kinh tế thị trường:

Là sản phẩm của văn minh nhân loại.

Câu 15: Đâu không phải đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường định hướng XHCN:

Xây dựng nền kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chương 6:

Câu 1: Hai giai đoạn khác nhau trong CNH, HĐH ở Việt Nam:

1960 - 1990 và 1991 - nay.

Câu 2: Cuộc cách mạng diễn ra đầu tiên trên thế giới là ở:

Anh

Câu 3: Trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, CNH, HĐH là nhiệm vụ:

Trung tâm

Câu 4: Trước chiến tranh thế giới thứ 2, nước nào có lực lượng hải quân hiện đại nhất thế giới (tàu sân bay, các loại tàu ngầm, tàu tuần dương, thủy phi cơ...)

Nhật

Câu 5: CMCN thúc đẩy sự phát triển của LLSX về:

Tư liệu lao động, đối tượng lao động, nguồn nhân lực.

Câu 6: Đặc trưng của cuộc CMCN lần thứ 4:

Sự kết hợp giữa vật lý và sinh học để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất.

Câu 7: Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam:

- Phát triển lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại.
- Tăng cường và củng cố QHSX phù hợp với trình độ phát triển LLSX
- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý, có hiệu quả

Câu 8: Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào:

Giữa thế kỷ 18.

Câu 9: Quốc gia nào dẫn đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 (bao gồm những phát minh và chế tạo về động cơ đốt trong, động cơ điện, công nghệ hóa chất, kỹ nghệ lạnh...)

Đức

Câu 10: Mô hình CNH Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs) có thời gian từ:

20-30 năm.

Câu 11: Ba giai đoạn của CMCN lần thứ nhất là:

Hiệp tác giản đơn - Công trường thủ công - Đại công nghiệp

Câu 12: Nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là:

Liên kết thể giới thực và ảo.